



MỘT SỐ GIẢI PHÁP

tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp

khu vực trong nước của tỉnh Bắc Ninh

*ThS. Khổng Văn Thắng**

Bên cạnh việc tận dụng tối đa lợi thế sẵn có, chính quyền tỉnh Bắc Ninh đã tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, đẩy mạnh đầu tư phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng, trong đó tập trung hoàn thiện đồng bộ hạ tầng 16 khu công nghiệp (KCN) tập trung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển với tổng diện tích 6.397,68ha, hiện tại đã có 10/16 KCN đi vào hoạt động trong đó 9/10 KCN đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn về môi trường; 15 KCN đã được thành lập. Tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt xấp xỉ 53,57%, đưa Bắc Ninh trở thành địa phương có số lượng doanh nghiệp đứng thứ 8 cả nước và là cực tăng trưởng Vùng Thủ đô và Vùng kinh tế trọng điểm khu vực Bắc Bộ, góp phần đưa quy mô GRDP của tỉnh năm 2022 đứng thứ 9 cả nước và xếp thứ 4 khu vực đồng bằng sông Hồng, là địa phương dẫn đầu cả nước về sản xuất công nghiệp, ước tính đạt hơn 1.672.000 tỷ đồng, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đạt hơn 91,7 tỷ USD.

** Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh*

1. Thực trạng doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh

Tại thời điểm 31/12/2021, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có 11.640 doanh nghiệp hoạt động và có kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD), tăng 70,25% so với 5 năm trước (năm 2017). Bình quân giai đoạn 2017-2021 số doanh nghiệp tăng 10,85%/năm, tương đương tăng 961 doanh nghiệp/năm, tăng cao hơn bình quân giai đoạn trước 3,27 điểm phần trăm (giai đoạn 2012-2017 là 7,58%), tốc độ tăng doanh nghiệp giai đoạn này không đồng đều, năm 2020 là năm có số doanh nghiệp tăng cao nhất với 16,2% và năm có số doanh nghiệp tăng thấp nhất là năm 2021, tăng 12,8%, so với vùng Đồng bằng Sông Hồng (ĐBSH) số lượng doanh nghiệp của Bắc Ninh tăng cao hơn 8,1 điểm phần trăm và chiếm 4,76% tổng số doanh nghiệp cả Vùng; nếu so với cả nước, doanh nghiệp của Bắc Ninh cao hơn 10,8 điểm phần trăm và chiếm 1,5% tổng số doanh nghiệp của cả nước. Cũng tại thời điểm 01/01/2022, toàn tỉnh có 503.687 lao động làm việc trong

khu vực doanh nghiệp, tăng 8,84% so với cùng thời điểm năm trước liền kề và tăng 26,18% so với năm 2017. Bình quân giai đoạn 2017-2021 tăng 3,76%/năm, tương đương tăng 20.904 lao động/năm. Ở giai đoạn này, tốc độ tăng bình quân về lao động lại chậm hơn ở giai đoạn 2012-2017 (giai đoạn 2012-2017 là 17,3%). Như vậy, số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có tốc độ tăng cao hơn so với tốc độ tăng số lượng lao động.

1.1. Xét theo loại hình doanh nghiệp

- Khối doanh nghiệp Nhà nước, trong giai đoạn 2017-2021, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới, sắp xếp lại, cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, quản trị doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế; bảo đảm doanh nghiệp nhà nước là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước. Do đó số lượng doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn này liên tục giảm, tại thời điểm 31/12/2021 chỉ còn 9 doanh nghiệp, chiếm 0,08% tổng số doanh nghiệp, giảm 40% so với năm 2017, thu hút 2.790 lao động, chiếm 0,56% lao động của toàn bộ khu vực doanh nghiệp, giảm 50,3% so với năm 2017, bình quân 1 doanh nghiệp nhà nước hiện chỉ còn sử dụng 310 lao động, giảm 74,2 lao động/doanh nghiệp so với năm 2017.

- Khối doanh nghiệp ngoài nhà nước, tỉnh đã đẩy mạnh và phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để các hộ kinh doanh cá thể tự chuyển đổi mô hình hoạt động theo quy mô doanh nghiệp. Theo đó, tại thời điểm 31/12/2021 số lượng

doanh nghiệp ngoài nhà nước của tỉnh có 10.201 doanh nghiệp, chiếm 87,63% tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh, tăng 71,67% so với năm 2017 và bình quân giai đoạn 2017-2021 số doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 11,05%, tương ứng tăng 851,8 doanh nghiệp/năm. Số lao động hiện có là 172.770 người, chiếm 34,3% trong tổng số lao động, bình quân 1 doanh nghiệp ngoài nhà nước chỉ sử dụng 16,9 lao động, giảm 2,8 lao động/doanh nghiệp so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021 số lao động trong doanh nghiệp ngoài nhà nước của tỉnh tăng 6,95%/năm, tương ứng tăng 11.186,8 lao động/năm.

- Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tỉnh đang chuyển trọng tâm chính sách thu hút đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí thu hút chủ yếu. Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Tại thời điểm 31/12/2021, toàn tỉnh có 1.430 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chiếm 12,28% tổng số doanh nghiệp, tăng 62,5% so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 9,76%, tương ứng tăng 110 doanh nghiệp/năm; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thu hút số lao động nhiều nhất trong tất cả các loại hình doanh nghiệp với 328.127 lao động, chiếm tỷ trọng 65,14% tổng số lao động của toàn khối doanh nghiệp, tăng 18,6% so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021 số lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của tỉnh tăng 2,64%/năm, tương ứng tăng 10.281,8 lao động/năm.

Bảng 01. Số lượng doanh nghiệp và lao động trong doanh nghiệp chia theo khu vực kinh tế giai đoạn 2017-2021

	2017	2018	2019	2020	2021	Tốc độ phát triển bình quân giai đoạn (%)
1. Số doanh nghiệp (DN)	6.837	7.687	8.929	10.322	11.640	110,85
1.1. Khu vực Nhà nước	15	14	11	9	9	88,01
1.2. Khu vực ngoài Nhà nước	5.942	6.738	7.825	9.036	10.201	111,05
1.3. Khu vực vốn đầu tư nước ngoài	880	935	1.093	1.277	1.430	109,76
2. Số lao động (Người)	399.167	387.507	414.460	462.754	503.687	103,76
2.1. Khu vực Nhà nước	5.613	5.861	2.871	2.790	2.790	83,97
2.2. Khu vực ngoài Nhà nước	116.836	121.697	131.217	152.874	172.770	106,95
2.3. Khu vực vốn đầu tư nước ngoài	276.718	259.949	280.372	307.090	328.127	102,64
3. Số lao động bình quân 1 doanh nghiệp (Người)	58,4	50,4	46,4	44,8	43,3	x
3.1. Khu vực Nhà nước	374,2	418,6	261,0	310,0	310,0	x
3.2. Khu vực ngoài Nhà nước	19,7	18,1	16,8	16,9	16,9	x
3.3. Khu vực vốn đầu tư nước ngoài	314,5	278,0	256,5	240,5	229,5	x

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh 2021

1.2. Xét theo ngành kinh tế

- Ngành thương mại - dịch vụ đang là điểm sáng trong thu hút đầu tư và số doanh nghiệp thành lập mới của năm sau luôn cao hơn năm trước. Tại thời điểm 31/12/2021, toàn tỉnh có 6.176 doanh nghiệp hoạt động trong ngành thương mại - dịch vụ, chiếm 53,06% trong tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh, tăng 69,2% so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021, số doanh nghiệp tăng 11,65%/năm, tương đương 505,2 doanh nghiệp/năm, cao hơn mức tăng bình quân chung và cao hơn so với ngành công nghiệp - xây dựng. Tuy nhiên, mức độ thu hút lao động của ngành này chỉ là 71.724 lao động,

chiếm tỷ trọng 14,2% trong tổng số lao động làm việc trong toàn khối doanh nghiệp, tăng 35,85% so với năm 2017, bình quân 1 doanh nghiệp hoạt động trong ngành thương mại - dịch vụ sử dụng số lao động thấp nhất trong các ngành kinh tế chỉ có 11,6 lao động/doanh nghiệp, giảm 2,9 lao động/doanh nghiệp so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021 số lao động tăng 7,3%/năm, tương đương tăng 3.785,6 lao động/năm.

- Ngành công nghiệp - xây dựng luôn đóng vai trò động lực, dẫn dắt tăng trưởng của toàn tỉnh, với số lượng doanh nghiệp hiện có là 5.409 doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng 46,46% số doanh nghiệp toàn tỉnh, tăng

71,11% so với năm 2017, bình quân giai đoạn này số doanh nghiệp tăng 9,92%/năm, tương ứng tăng 449,6 doanh nghiệp/năm. Đây cũng là ngành thu hút nhiều lao động nhất với 427.482 lao động, chiếm 84,87% tổng số lao động trong doanh nghiệp, tăng 24,35% so với năm 2017, bình quân 1 doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp - xây dựng sử dụng 79 lao động, giảm 29,7 lao động/doanh nghiệp so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021, số lao động tăng 3,18%/năm, tương đương tăng 16.746,6 lao động/năm.

- Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (Ngành nông nghiệp) có số lượng doanh nghiệp thấp nhất, chỉ có 55 doanh nghiệp,

chiếm tỷ trọng rất nhỏ 0,47% trong tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh, song về tốc độ đã tăng gấp hơn 2,5 lần so với năm 2017, bình quân giai đoạn 2017-2021 số doanh nghiệp hoạt động trong ngành này tăng 9,22%/năm, tương ứng tăng 5,8 doanh nghiệp/năm. Về số lao động, doanh nghiệp ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản thu hút được 4.481 lao động, chiếm 0,88% tổng số lao động trong doanh nghiệp, tăng 70,9% so với năm 2017, bình quân 1 doanh nghiệp hoạt động trong ngành nông nghiệp của tỉnh sử dụng 81,5 người, giảm 19,3 lao động/doanh nghiệp so với năm 2017 song đây vẫn là con số khá ấn tượng so với các ngành kinh tế khác; bình quân giai đoạn 2017-2021 số lao động tăng 4,47%/năm, tương đương tăng 371,8 lao động/năm.

Bảng 02. Số lượng doanh nghiệp và lao động trong doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế giai đoạn 2017-2021

Năm	2017	2018	2019	2020	2021	Tốc độ phát triển bình quân (%)
1. Số doanh nghiệp	6.837	7.687	8.929	10.322	11.640	110,85
1.1. Ngành nông nghiệp	26	28	47	37	55	109,22
1.2. Ngành công nghiệp - xây dựng	3.161	3.509	4.063	4.614	5.409	109,92
1.3. Ngành thương mại - dịch vụ	3.650	4.150	4.819	5.671	6.176	111,65
2. Số lao động	399.167	387.507	414.460	462.754	503.687	103,76
2.1. Ngành nông nghiệp	2.622	2965	3.140	3.123	4.481	104,47
2.2. Ngành công nghiệp - xây dựng	343.749	330990	355.728	389.654	427.482	103,18
2.3. Ngành thương mại - dịch vụ	52.796	53552	55.592	69.977	71.724	107,30
3. Số lao động bình quân 1 doanh nghiệp	58,4	50,4	46,4	44,8	43,3	x
3.1. Ngành nông nghiệp	100,8	105,9	66,8	84,4	81,5	x
3.2. Ngành công nghiệp - xây dựng	108,7	94,3	87,6	84,5	79,0	x
3.3. Ngành thương mại - dịch vụ	14,5	12,9	11,5	12,3	11,6	x

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh 2021

2. Quy mô doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh

2.1. Xét theo phân loại doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2021, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có 11.640 doanh nghiệp hoạt động và có kết quả SXKD, trong đó, số doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ chiếm 53,1% (năm 2017 là 53,6%); số doanh nghiệp có quy mô nhỏ chiếm 34,2% (năm 2017 là 42,3%); số doanh nghiệp có quy mô vừa chiếm 7,7% (năm 2017 là 1,3%); số doanh nghiệp có quy mô lớn chiếm gần 5% (năm 2017 là 2,8%). Như vậy, số doanh nghiệp siêu nhỏ và

nhỏ có xu hướng giảm, số doanh nghiệp vừa và lớn lại có xu hướng tăng lên, đây là tín hiệu đáng mừng. Tuy nhiên, tỷ trọng số doanh nghiệp vừa và lớn chiếm tỷ lệ không lớn chỉ 12,7%, trong khi đó, lao động bình quân ở các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ ngày một giảm dẫn đến quy mô lao động bình quân chung của doanh nghiệp ngày càng giảm, từ 58,4 lao động/doanh nghiệp năm 2017 xuống còn 43,3 lao động/doanh nghiệp năm 2021, chứng tỏ rằng doanh nghiệp ở giai đoạn 2017-2021 đang có xu hướng giảm về quy mô lao động bình quân.

Bảng 03. Nguồn vốn của doanh nghiệp phân theo khu vực và ngành kinh tế giai đoạn 2017-2021

Năm	2017	2018	2019	2020	2021	Tốc độ phát triển bình quân (%)
I. NGUỒN VỐN (Tỷ đồng)						
1. Chia theo khu vực kinh tế	758.483	801.530	848.155	958.494	1.088.521	106.03
1.1. Khu vực Nhà nước	6.379	6.504	4.042	3.733	3.661	87.46
1.2. Khu vực ngoài Nhà nước	171.678	204.609	235.892	273.967	301.597	112.39
1.3. Khu vực vốn đầu tư nước ngoài	580.426	590.417	608.221	680.794	783.263	104.07
2. Chia theo ngành kinh tế	758.483	801.530	848.155	958.494	1.088.521	106.03
2.1. Ngành nông nghiệp	3.691	3.859	4.251	4.330	4.410	104.07
2.2. Ngành công nghiệp - xây dựng	658.364	682.330	708.154	798.374	903.400	104.94
2.3. Ngành thương mại - dịch vụ	96.428	115.341	135.750	155.790	180.711	112.74
II. NGUỒN VỐN BÌNH QUÂN/DN (Tỷ đồng)						
1. Chia theo khu vực kinh tế	110.9	104.3	95.0	92.9	93.5	95.65
1.1. Khu vực Nhà nước	425.3	464.6	367.5	414.8	406.8	99.38
1.2. Khu vực ngoài Nhà nước	28.9	30.4	30.1	30.3	29.6	101.21
1.3. Khu vực vốn đầu tư nước ngoài	659.6	631.5	556.5	533.1	547.7	94.82
2. Chia theo ngành kinh tế	110.9	104.3	95.0	92.9	93.5	95.65
2.1. Ngành nông nghiệp	142.0	137.8	90.4	117.0	80.2	95.29
2.2. Ngành công nghiệp - xây dựng	208.3	194.5	174.3	173.0	167.0	95.47
2.3. Ngành thương mại - dịch vụ	26.4	27.8	28.2	27.5	29.3	100.98

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh 2021

2.2. Xét trên góc độ nguồn vốn dùng cho sản xuất kinh doanh phân theo khu vực kinh tế

- Khu vực doanh nghiệp Nhà nước đang có xu hướng giảm dần, tại thời điểm 31/12/2021 nguồn vốn của doanh nghiệp Nhà nước chỉ có là 3.661 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng rất nhỏ 0,33% tổng nguồn vốn toàn khối doanh nghiệp của tỉnh, vốn bình quân tính trên 1 doanh nghiệp, khu vực Nhà nước hiện có mức vốn khá cao là 406,8 tỷ đồng/doanh nghiệp, chỉ đứng sau khu vực vốn đầu tư nước ngoài, nhưng vẫn giảm 18,5 tỷ đồng/doanh nghiệp so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021 nguồn vốn của khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 12,54%, tương ứng giảm 543,6 tỷ đồng/năm.

- Khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước, vốn đầu tư có xu hướng tăng và có mức tăng cao nhất, bình quân giai đoạn 2017-2021 nguồn vốn đầu tư doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 12,39%/năm, tương ứng tăng 25.983,8 tỷ đồng/năm, tại thời điểm 31/12/2021 nguồn vốn của doanh nghiệp ngoài Nhà nước có 301.597 tỷ đồng, song cũng chỉ chiếm 27,7% tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh; tính bình quân vốn trên 1 doanh nghiệp, khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước có số vốn thấp nhất chỉ đạt 29,6 tỷ đồng/doanh nghiệp, sau 5 năm số vốn bình quân của khu vực này chỉ tăng 0,7 tỷ đồng/doanh nghiệp.

- Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có số lượng vốn lớn nhất, tại thời điểm 31/12/2021, có tổng nguồn vốn là 783.263 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng rất cao 71,95% trong tổng nguồn vốn của toàn khối doanh nghiệp, bình quân 1 doanh nghiệp vốn

đầu tư nước ngoài sử dụng lượng vốn đạt 547.7 tỷ đồng/doanh nghiệp, tuy nhiên so với 5 năm trước vốn bình quân 1 doanh nghiệp khu vực này lại giảm 5,18%, tương ứng giảm 111,9 tỷ đồng/doanh nghiệp; bình quân giai đoạn 2017-2021 nguồn vốn của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 4,07%, tương ứng tăng 40.567,4 tỷ đồng/năm.

2.3. Nguồn vốn dùng cho sản xuất kinh doanh phân theo ngành kinh tế

- Ngành thương mại - dịch vụ có tốc độ tăng nguồn vốn mạnh nhất trong các ngành kinh tế, tại thời điểm 31/12/2021, nguồn vốn dùng cho sản xuất kinh doanh là 180.711 tỷ đồng, chiếm 16,6% tổng nguồn vốn toàn bộ khối doanh nghiệp, tuy nhiên tính số vốn bình quân 1 doanh nghiệp ngành thương mại - dịch vụ lại đạt mức thấp nhất chỉ có 29,3 tỷ đồng/doanh nghiệp, tăng 2,9 tỷ đồng/doanh nghiệp so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021, nguồn vốn của doanh nghiệp ngành thương mại-dịch vụ tăng 12,74%/năm, tương đương tăng 16.856,6 tỷ đồng/năm,.

- Ngành công nghiệp - xây dựng có lượng vốn đầu tư lớn nhất, toàn ngành hiện có 903.400 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 82,99% tổng lượng vốn toàn khối doanh nghiệp của tỉnh, vốn bình quân 1 doanh nghiệp hiện đạt cao nhất 167.0 tỷ đồng/doanh nghiệp, song lại giảm 19,83% so với 5 năm trước, tương ứng giảm 41,3 tỷ đồng/doanh nghiệp; bình quân giai đoạn 2017-2021, tổng nguồn vốn đầu tư của ngành kinh tế này tăng 4,94%/năm, tương đương tăng 49.007,2 tỷ đồng/năm.

- Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lượng vốn thấp nhất, chỉ có 4.410 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng rất nhỏ là 0,47% trong tổng

➤ ➤ ➤ THỐNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

số doanh nghiệp toàn tỉnh, về tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2017-2021 số vốn của doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản đầu tư thêm tăng 4,07%/năm, tương ứng tăng 143,8 tỷ đồng/năm. Xét lượng vốn bình quân 1 doanh nghiệp ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện có là 80,2 tỷ đồng/doanh nghiệp, giảm 61,8 tỷ đồng/doanh nghiệp so với năm 2017; bình quân giai đoạn 2017-2021 lượng vốn bình quân doanh nghiệp giảm 4,71%/năm, tương đương giảm 12,36 tỷ đồng/năm.

3. Một số khó khăn hạn chế của doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh

- Số lượng doanh nghiệp nhiều nhưng quy mô chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ, hiện toàn tỉnh số doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ chiếm 53,1% và số doanh nghiệp có quy mô nhỏ chiếm 34,2%. Hơn nữa, những doanh nghiệp nằm trong nhóm nhỏ và siêu nhỏ này, 100% là của khu vực kinh tế trong nước dẫn đến tiềm lực vốn tài chính rất hạn chế, khả năng cạnh tranh yếu, trình độ công nghệ lạc hậu, khả năng quản trị của chủ doanh nghiệp còn yếu, thiếu chuyên viên kỹ thuật được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp. Tính không ổn định và hạn hẹp của mặt bằng kinh doanh cũng đang gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển. Một số doanh nghiệp còn chưa hiểu biết một cách đầy đủ về bộ máy tổ chức, cũng như chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản lý hành chính, về các chủ trương, chính sách và các biện pháp hỗ trợ của khu vực công cho doanh nghiệp, nên hiệu quả của các chủ trương, chính sách hỗ trợ còn bị hạn chế.

- Đứng trên góc độ ngành kinh tế cho thấy, doanh nghiệp Bắc Ninh tập trung nhiều vào hoạt động thương mại-dịch vụ (hiện chiếm 54,9%) trong tổng số doanh nghiệp

toàn tỉnh, ngành công nghiệp - xây dựng (chiếm 44,7%) số doanh nghiệp toàn tỉnh và ngành nông nghiệp hiện chỉ (chiếm 0,35%), rõ ràng số doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp còn rất hạn chế. Bên cạnh đó, các chính sách ưu đãi giữa các loại hình doanh nghiệp như khu vực Nhà nước và doanh nghiệp thuộc khu vực ngoài Nhà nước và khu vực FDI vẫn chưa thực sự bình đẳng. Luật pháp và chính sách liên quan tới doanh nghiệp thuộc thành phần khu vực ngoài Nhà nước chưa hoàn chỉnh để có thể tạo niềm tin cho doanh nhân yên tâm đầu tư phát triển và mở rộng sản xuất - kinh doanh.

- Sự kết nối giữa các khu vực công và khu vực doanh nghiệp chưa thực sự được tạo dựng một cách thông thoáng bền vững và chặt chẽ. Do đó, các khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất - kinh doanh chậm được phản ánh, hỗ trợ từ khu vực công cộng nên các cuộc đối thoại với doanh nghiệp có nhiều ý kiến phản ánh của doanh nghiệp lãnh đạo tỉnh mới nắm được.

4. Một số giải pháp tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp tỉnh

Một là, để phát triển bền vững các doanh nghiệp khu vực trong nước nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, trước hết phải giải quyết được vấn đề vốn sản xuất. Các tổ chức tín dụng, ngân hàng, doanh nghiệp cần gắn kết hơn trong tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giải quyết tốt những vấn đề liên quan đến quan hệ tín dụng nhằm đưa nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo đảm sự phát triển bền vững cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cùng với đó, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, minh bạch hóa thông tin tín dụng, hướng dẫn khách hàng nắm được đầy đủ các thông tin liên quan đến khoản vay như: hồ sơ, thủ tục, xây dựng phương án sản xuất

kinh doanh, tạo điều kiện tốt nhất về vốn cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp vừa và nhỏ nói riêng phát triển.

Hai là, để nâng cao hiệu quả hoạt động cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phát triển doanh nghiệp theo định hướng quy hoạch chung của tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh Bắc Ninh đã thông qua Đề án "Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020-2025". Theo đó, hằng năm tỉnh cần hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuê đất hoặc di chuyển vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có nhà đầu tư hạ tầng; đào tạo cán bộ quản lý và đào tạo nghề cho người lao động các doanh nghiệp; hỗ trợ miễn phí phần mềm kế toán và kế toán thuế cho các doanh nghiệp mới thành lập trong giai đoạn 2020-2025...

Ba là, để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bản thân các doanh nghiệp vừa và nhỏ cần tiếp tục đổi mới nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị lao động, tài chính tại chính doanh nghiệp mình; cần có bộ phận chuyên trách nghiên cứu chính sách pháp luật của Nhà nước giúp doanh nghiệp phát triển bền vững. Cùng với đó, Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bắc Ninh cần tiếp tục làm tốt vai trò cầu nối, kết nối doanh nghiệp vừa và nhỏ với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, giúp doanh nghiệp hội viên tiếp cận mặt bằng, chính sách ưu đãi trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bốn là, tỉnh cần đẩy mạnh việc đồng hành cùng doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh

niệp, cải cách thủ tục hành chính theo hướng giảm thời gian gia nhập thị trường, giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính; tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để khuyến khích, hỗ trợ các hộ kinh doanh đang hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn có nhu cầu, tiềm năng mở rộng đầu tư, chuyển đổi thành lập doanh nghiệp và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; tạo tiền đề để các doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh hoạt động hiệu quả hơn, bền vững hơn...

Năm là, tỉnh Bắc Ninh cần tích cực trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực tiếp cận khách hàng và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới. Đơn cử như Hệ sinh thái chuyển đổi số doanh nghiệp VNPT và các ưu đãi đồng hành cùng doanh nghiệp vừa và nhỏ, cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ và giải pháp chuyển đổi số cho các doanh nghiệp theo bốn trụ cột chính (kết nối khách hàng, quản lý nhân viên, tối ưu hoạt động, quản lý chuyên ngành sản phẩm). Từ đó, giúp các doanh nghiệp định hình vào các lĩnh vực, mục tiêu quan tâm, nghiệp vụ cần thực hiện để chuyển đổi số một cách rõ ràng với các thứ tự ưu tiên cụ thể./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2021), Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh 2022;
2. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2021), Kết quả chính thức Tổng điều tra kinh tế năm 2021- tỉnh Bắc Ninh;
3. Khổng Văn Thắng (2021), Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với kinh tế tỉnh Bắc Ninh- Tạp chí Khoa học ĐHQGHN;